

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27/8/2019

*“V/v Tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly
hôn” giữa anh Trần Quang T và chị
Khổng Thị Xuân M*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Xuân Thuận

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Anh Trần Quang T, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã P, thị xã P, tỉnh Bình Phước

** Bị đơn:* Chị Khổng Thị Xuân M, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã P, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Trần Quang T trình bày:

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2017/QĐST – HNGĐ ngày 02/02/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Quang T và chị Khổng Thị Xuân M và giao con chung Trần Quang T2 sinh ngày 18/02/2016 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi, anh T không cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, chị M không trực tiếp nuôi con mà giao con chung cho cha mẹ chị M nuôi dưỡng, khi anh T xuống thăm con thì bị chị M và cha mẹ chị M cản trở, gây khó dễ, chửi bới như: không cho anh T vô nhà ngồi

chờ mà cha chị M qui định anh T chỉ được ngồi chờ tại ghế đá trước nhà để chị M hoặc cha mẹ chị M dẫn con ra cho anh T đưa về nhà chơi hoặc để chờ đợi rất lâu mới cho cháu ra gặp nên ngày 04/01/2018, anh T nộp đơn khởi kiện xin thay đổi nuôi con thì chị M viết cam kết đề ngày 23/3/2018: *mỗi tháng cho thăm 04 lần vào các ngày chủ nhật, những ngày có đám tiệc sẽ tạo điều kiện cho con về bên nội chơi*. Nên ngày 05/4/2018, anh T rút đơn khởi kiện, Tòa đình chỉ giải quyết vụ án. Từ đó đến nay anh T vẫn đến thăm con vào ngày chủ nhật nhưng có hôm thì cho gặp nhưng không cho chở về nhà vì lý do con bệnh hay chị M được nghỉ làm nên chở con đi chơi, có hôm thì ngồi chờ rất lâu mới cho gặp và cho chở về, nay nhà cha mẹ chị M đã xây hàng rào nên thường xuyên đóng cửa cổng và lần nào đến thăm con cũng bị chị M và cha mẹ chị M chửi bới. Xét thấy, chị M không thực hiện đúng nội dung cam kết, chị M và gia đình chị M luôn cản trở việc thăm nom con, chị M không trực tiếp trông nom, chăm sóc con mà giao cho cha mẹ chị M chăm sóc, chị M không có nhà ở ổn định, còn anh T đang ở chung với cha mẹ, đang làm nhân viên đóng gói cấp dưới cho xưởng điều Đại Minh với thu nhập trung bình 7.000.000đ/tháng, thời gian làm việc 09 tiếng/ngày nên yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con, giao con chung Trần Quang T2 sinh ngày 18/02/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2019, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn chị Khổng Thị Xuân M trình bày:

Chị M thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn anh T về việc anh chị đã ly hôn và thỏa thuận sau khi ly hôn. Chị và cha mẹ chị không cản trở hay chửi bới khi anh T đến thăm nom con, vẫn cho anh T đón cháu về nhà anh T chơi hàng tuần nếu như cháu không bị bệnh. Mâu thuẫn giữa anh T và cha mẹ chị là do khi anh T đến thăm con thì anh T tự ý mở cửa vào nhà, có lần đưa cháu T2 đi mà không nói cho cha mẹ chị biết nên ông bà lo lắng, có ý trách thì anh T cự cãi với cha chị. Từ sau khi ly hôn đến nay, chị luôn chăm sóc cháu T2 chu đáo cả về vật chất lẫn tinh thần, anh T chỉ đến thăm con chứ không mua sắm gì cho con. Chị đang làm công nhân kiểm vỏ hạt điều của xưởng sát cạnh nhà, thời gian làm việc từ 06 giờ sáng đến 11 giờ trưa và chiều từ 13 giờ đến 17 giờ, thu nhập bình quân 07 (bảy triệu đồng)/tháng, nên trong giờ làm thì cháu T2 ở với ông bà ngoại, cha mẹ chị ở một mình do chị gái lớn đã lập gia đình, hai anh trai thì đi làm tại Sài Gòn, nên chị và cháu T2 hiện vẫn đang cùng ông bà. Chị không đồng ý giao cháu T2 cho anh T nuôi dưỡng vì anh T cũng đang ở cùng cha mẹ anh T, không chí thú làm ăn và bản thân anh T có nhiều tiền án, sẽ không đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con bằng chị.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập lời khai của ông Khổng Hữu S là cha ruột chị M và bà Lữ Thị Q là mẹ ruột anh T, ông S bà Q đều trình bày chị M vẫn cho đón cháu T2 về nhà ông bà nội chơi vào các ngày chủ nhật, chỉ trừ khi cháu T2 bị bệnh hoặc thỉnh thoảng chị M được nghỉ làm nên dẫn cháu đi chơi thì mới không cho về. Khi phía nhà anh T có việc hoặc có họ hàng đến chơi dù không phải là ngày chủ nhật nhưng chị M vẫn cho cháu T2 về nhà ông bà nội chơi. Và đề nghị Tòa án xem xét tiếp tục giao cháu T2 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Theo biên bản xác minh ngày 06/7/2019 thì: trong quá trình sinh sống tại địa phương, chị M luôn chấp hành tốt và đầy đủ các chính sách pháp luật nhà nước, hiện đang sinh sống cùng cha mẹ ruột do các anh trai đi làm tại Sài Gòn, chị M làm công nhân ngay cạnh nhà, có cha mẹ phụ giúp trông nom cháu T2 nên đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung. Không có thông tin phản ánh về việc chị M không chăm sóc con hay chị M và gia đình chị M cản trở anh T thăm con.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quang T về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Anh Trần Quang T khởi kiện yêu cầu “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” với chị Khổng Thị Xuân M đang cư trú tại thôn H, xã P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 3 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Xét yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Trần Quang T vì lý do chị M không trực tiếp nuôi con mà giao cho cha mẹ chị M nuôi dưỡng, cản trở anh T thăm nom con và không có nhà ở ổn định để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con. Hội đồng xét xử thấy: Chị M có công việc và thu nhập ổn định; Quá trình nuôi dưỡng, chị M đã chăm sóc cháu T2 đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần, đảm bảo các nhu cầu trong cuộc sống; Đối với việc anh T cho rằng chị M đi làm, không trực tiếp nuôi con mà giao cháu T2 cho cha mẹ chị M nuôi, xét thấy việc chị M đi làm là để tạo thu nhập ổn định, đảm bảo cuộc sống, nhu cầu, sinh hoạt cho hai mẹ con. Cha mẹ chị M cũng tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt cho chị M và cháu T2 có nơi ở ổn định, phụ giúp chị M trông coi cháu T2 để chị M yên tâm đi làm; Đồng thời, theo biên bản xác minh tại địa phương, quá trình chị M nuôi con không có thông tin phản ánh nào từ người dân xung quanh khu vực gia đình chị M sinh sống hay người nhà anh T phản ánh về việc chị M hay gia đình chị M cản trở anh T thăm con; bà Q - mẹ ruột anh T cũng thừa nhận sau khi ly hôn, chị M chăm sóc cháu T2 rất tốt và khỏe mạnh, gia đình chị M luôn tạo điều kiện cho đón cháu T2 về nhà bà chơi trừ khi cháu bị bệnh hay chị M được nghỉ làm dẫn con đi chơi và đề nghị tiếp tục giao cháu T2 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, việc thay đổi quyền

nuôi con từ chị M sang cho anh T nuôi là không có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T.

[3] Về quan điểm của kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 82, 83 và điểm b khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Trần Quang T.

2. Về án phí:

Anh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006333 ngày 08/4/2019 của Chi cục thi hành án thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Phần án phí anh T đã thi hành xong.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 27/8/2019.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt